

Số: 2025.487/KQ-RDC

Ngày 18 tháng 4 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Theo kế hoạch lấy mẫu số: 2504.025/HT-RDC

- Tên khách hàng: **CÔNG TY TNHH BẢO HỘ HSE TÍN TOÀN**
Địa điểm lấy mẫu: **CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN MIỀN TRUNG**
Địa chỉ: Khu công nghiệp Hòa Cẩm, Phường Hoà Thọ Tây, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
- Tình trạng mẫu: Mẫu được bảo quản tại hiện trường
- Ngày lấy mẫu: 11/04/2025
- Thời gian thử nghiệm: 11/04/2025 – 18/04/2025
- Kết quả thử nghiệm:
Loại mẫu: **Nước thải**
Phương pháp lấy và bảo quản mẫu: **TCVN 5999:1995; TCVN 6663-14:2018; TCVN 6663-3:2016; TCVN 6663-1:2011; TCVN 8880:2011**
Mã số mẫu: **2504.038NT-01:** Nước thải đầu vào tại hệ thống xử lý nước thải sản xuất khu A
2504.038NT-02: Nước thải đầu ra tại hệ thống xử lý nước thải sản xuất khu A
2504.038NT-03: Nước thải đầu ra tại bể xử lý nước thải sinh hoạt 3 ngăn khu B
2504.038NT-04: Nước thải đầu ra tại bể tách mỡ nhà ăn ca khu B

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện MDL	Kết quả thử nghiệm		QCVN 40:2011/ BTNMT (Cột B)
					2504.038 NT-01	2504.038 NT-02	
1.	pH ⁽¹⁾	-	TCVN 6492:2011	-	1,78	5,55	5,5 - 9
2.	Lưu lượng ⁽¹⁾	m ³ /h	HH-NT-FLOW	-	0,6	0,3	-
3.	TSS ^{(1) (2)}	mg/L	SMEWW 2540D:2023	2,8	37,2	31,1	100
4.	COD ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 5220.C:2023	3,3	3.360	119	150
5.	NH ₄ ⁺ - N ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023	0,043	106	8,4	10
6.	Cl ⁻ ⁽¹⁾	mg/L	TCVN 6194:1996	4,0	KPH	683	1.000
7.	Cr ⁶⁺ ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	0,003	0,006	KPH	0,1
8.	Dầu mỡ khoáng ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	1,3	6,4	3,9	10
9.	Pb ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,022	1,78	0,057	0,5
10.	Cr ³⁺ ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 3111B:2023 + SMEWW 3500-Cr.B:2023	0,033	0,128	KPH	1
11.	Cr ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,033	0,134	KPH	-
12.	Zn ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,017	2,20	0,736	3
13.	Fe ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,027	11,2	1,50	5



Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện MDL	Kết quả thử nghiệm		QCVN 40:2011/ BTNMT (Cột B)
					2504.038 NT-03	2504.038 NT-04	
1.	pH ⁽¹⁾	-	TCVN 6492:2011	-	7,32	6,57	5,5 - 9
2.	Lưu lượng ⁽¹⁾	m ³ /h	HH-NT-FLOW	-	0,3	-	-
3.	TSS ^{(1) (2)}	mg/L	SMEWW 2540D:2023	2,8	40,1	29,6	100
4.	BOD ₅ ⁽¹⁾	mg/L	TCVN 6001-1:2021	1,1	20	4	50
5.	COD ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 5220.C:2023	3,3	54	13	150
6.	Tổng N ⁽¹⁾	mg/L	TCVN 6638:2000	3,0	7,29	5,60	40
7.	Tổng P ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 4500-P.B&E:2023	0,034	0,51	0,42	6
8.	Dầu mỡ ĐTV ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	1,3	-	KPH	-

Ghi chú:

- ⁽¹⁾: Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận;

- ⁽²⁾: Thông số được công nhận ISO/IEC 17025:2017 mã số VLAT – 1.1198;

- KPH: Không phát hiện, kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp;

- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy;

- Thời gian lưu mẫu: 5 ngày (mẫu nước) kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, RDC không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng;

- Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng;

PHÒNG THÍ NGHIỆM



NGUYỄN THỊ MINH HÀ



PHÓ GIÁM ĐỐC

NGUYỄN TRƯƠNG PHÚ

